

Số: 08 /GPMT-SNN&MT

Quảng Ninh, ngày 19 tháng 01 năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính Phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính Phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và môi trường về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 56/2025/QĐ-UBND ngày 03/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 3724/QĐ-UBND ngày 06/10/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước tại Nghị định số 131/2025/NĐ-CP và Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ;

Xét các văn bản đề xuất cấp Giấy phép môi trường: số 1551/ĐĐTĐM-KTVT ngày 25/8/2025, số 22/CV-ĐĐTĐM ngày 06/01/2026 của Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón Thợ mỏ - Vinacomin và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số



31.../TTr-SNN&MT ngày 19...tháng 01 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón Thợ mỏ - Vinacomin, địa chỉ tại số 750 đường Hoàng Quốc Việt, phường Cửa Ông, tỉnh Quảng Ninh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Phân xưởng sửa chữa tại phường Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Phân xưởng sửa chữa tại phường Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh của Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón Thợ mỏ - Vinacomin.

1.2. Địa điểm hoạt động: phường Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số 5700477326 của Sở Tài chính cấp đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 26 tháng 5 năm 2025.

1.4. Mã số thuế: 5700477326.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Phân xưởng sửa chữa.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Cơ sở:

- Tổng diện tích sử dụng đất: 10.800 m² (theo Quyết định số 3406/QĐ-UBND ngày 05/8/2025 của UBND tỉnh Quảng Ninh).

- Cơ sở có quy mô tương đương Dự án đầu tư nhóm C (theo khoản 1 Điều 11 Luật đầu tư công năm 2024) và quy mô tương đương dự án đầu tư nhóm III theo quy định tại Luật BVMT năm 2020, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Quy mô, công suất: Lượng sửa chữa trung bình của phân xưởng là 100 lượt xe/tháng, bảo dưỡng 20 lượt xe/tháng, trùng tu xe trung bình 03 đến 04 xe/tháng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại **Phụ lục 1** ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại **Phụ lục 2** ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại **Phụ lục 3** ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại **Phụ lục 4** ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại **Phụ lục 5** ban hành

kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón Thợ mỏ - Vinacomin có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm

(Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến hết ngày 19 tháng 01 năm 2036).

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân phường Cẩm Phả tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ Cơ sở;
- TT PV HCC tỉnh;
- VP Sở (công khai thông tin);
- Lưu: VT, BVMT, MT11;



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Minh Sơn

**Phụ lục 1****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ⁰⁸ /GPMT-SNN&MT ngày 19 tháng 01 năm 2026 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**1. Nguồn phát sinh nước thải**

- Nguồn số 01: Nước thải công nghiệp phát sinh do nước mưa rửa trôi bề mặt, nước thải rửa phụ tùng của cơ sở.

- Nguồn số 02: Nước thải công nghiệp phát sinh do nước mưa rửa trôi bề mặt, nước thải công nghiệp từ các phân xưởng sửa chữa và rửa xe của cơ sở.

(Nguồn số 01 và Nguồn số 02 đều nối về Trạm xử lý nước thải do Công ty TNHH MTV Môi trường quản lý, vận hành, đã được UBND tỉnh cấp Giấy phép môi trường số 674/GPMT-UBND ngày 08/3/2024).

- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh khu vực sản xuất.

- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh khu nhà điều hành sản xuất.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Cổng thoát nước chung của khu dân cư, rồi chảy ra suối Ngõ Quyền thuộc địa giới hành chính khu Lán Ga, phường Cẩm Phả, sau đó chảy ra biển ven bờ vịnh Bái Tử Long.

2.2. Vị trí xả nước thải: Cổng thoát nước chung của khu dân cư, rồi chảy ra suối Ngõ Quyền thuộc địa giới hành chính khu Lán Ga, phường Cẩm Phả.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X= 2324552; Y= 452136.

(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiều 3°)

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $5,0 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

2.4. Phương thức xả nước thải: Tự chảy, xả mặt, xả ven bờ.

2.5. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24 giờ/ngày đêm).

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung (cột B) cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng thực hiện	Không thuộc đối tượng thực hiện
2	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅ ở 20 ^o C)	mg/L	≤ 35		
3	Nhu cầu oxy hoá hoặc (COD)	mg/L	≤ 90		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	≤ 60		
5	Amoni (N-NH ₄ ⁺), tính theo N	mg/L	≤ 8,0		
6	Tổng Nitơ (T-N)	mg/L	≤ 30		
7	Tổng photpho (T-P)	mg/L	≤ 6,0		
8	Tổng Coliform	MPN hoặc CFU/100mL	≤ 5.000		
9	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	≤ 0,5		
10	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	≤ 15		
11	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/L	≤ 5,0		

* **Ghi chú:** Khuyến khích chủ cơ sở tự thực hiện quan trắc định kỳ đối với nước thải sinh hoạt để kiểm soát công tác BVMT.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01 → Ga thu nước rửa phụ tùng → Đường ống nhựa ngầm → đầu nối về Trạm xử lý nước thải do Công ty TNHH MTV Môi trường - TKV quản lý, vận hành (UBND tỉnh đã cấp Giấy phép môi trường số 674/GPMT-UBND ngày 08/3/2024);

- Nguồn số 02 → Hố ga thu nước rửa xe nhiễm dầu → Đường ống nhựa ngầm → đầu nối về Trạm xử lý nước thải do Công ty TNHH MTV Môi trường - TKV quản lý, vận hành (UBND tỉnh đã cấp Giấy phép môi trường số 674/GPMT-UBND ngày 08/3/2024);

- Nguồn số 03 → Bể tự hoại 03 ngăn → Đường ống HDPE → Hệ thống lọc

→ xả thải;

- Nguồn số 04 → Bể tự hoại 03 ngăn → Đường ống HDPE → Hệ thống lọc → xả thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Bể tự hoại 03 ngăn:

- Vị trí xây dựng: xây ngầm dưới nhà vệ sinh khu vực sản xuất và nhà vệ sinh khu vực nhà điều hành.

- Số lượng: 02 bể 03 ngăn, dung tích 4,2 m³/bể, kích thước dài x rộng x cao = 2m x 1,75m x 1,2m.

- Quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt (nguồn số 03 và số 04) → Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc → Đường ống HDPE → Hệ thống lọc → xả thải.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Men vi sinh.

1.2.2. Hệ thống lọc đa tầng:

- Quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt từ bể tự hoại → Đường ống HDPE → Cột lọc 1 → Cột lọc 2 → Cột lọc 3 → xả thải.

- Số lượng: 01 hệ thống gồm 03 cột lọc composite lọc đa tầng + lọc đa năng, dung tích chứa 32 lít/cột; kích thước cột lọc đường kính x chiều cao = 200 x 1100 (mm)

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: cát thạch anh, sỏi, than hoạt tính, mangan, vật liệu lọc đa năng.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của các công trình xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với các công trình xử lý nước thải.

- Thường xuyên thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng công trình xử lý nước thải bảo đảm hoạt động ổn định.

- Định kỳ, tiến hành kiểm tra một số chỉ tiêu chính của nước thải tại đầu ra để theo dõi các hoạt động của các công trình xử lý nước thải. Nếu có vấn đề phát sinh, có biện pháp kịp thời để điều chỉnh hoạt động của các công trình xử lý nước thải.

- Thực hiện việc nạo vét, gia cố, cải tạo hệ thống công thu gom, bể tự hoại, bể lắng đảm bảo công năng hiện có và hiệu quả xử lý của công trình, không để xảy ra tình trạng rò rỉ, ngấm nước thải ra ngoài môi trường.

- Thường xuyên giám sát, kiểm tra hàng ngày tình trạng hoạt động của hệ thống rãnh thoát nước và các hố lắng: Giám sát lượng nước đầu ra, chất lượng nước đầu ra (theo như nội dung tự đề xuất của chủ cơ sở, không xả nước thải

không đạt chất lượng nước thải nêu tại mục 2.6 Phần A của Phụ lục này ra môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: từ 03 - 06 tháng.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống lọc nước thải sinh hoạt công suất $5\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Nước thải đầu vào và đầu ra Hệ thống lọc nước thải sinh hoạt.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (theo nội dung được cấp phép tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này).

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT, cụ thể như sau: quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định (01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu nước thải đầu ra).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.6 Phần A của Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi nước thải ra môi trường có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

- Phải gắn biển báo tại điểm xả nước thải (phải có tọa độ, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải) theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Không được phép lắp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường;

3.2. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất đảm bảo vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt trong quá trình vận hành Cơ sở.

3.3. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị đảm bảo vận hành thường xuyên, hiệu quả công trình thu gom nước thải công nghiệp.

3.4. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong công tác phòng chống và ứng phó sự cố môi trường có thể xảy ra trong quá trình vận hành các công trình thu gom, xử lý, thoát nước thải của Cơ sở./.



Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 08 /GPMT-SNN&MT ngày 19 tháng 01 năm 2026 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**1. Nguồn phát sinh khí thải**

- Nguồn số 01: Bụi, khí thải từ phòng sơn tại xưởng sửa chữa.

2. Dòng khí thải, vị trí xả thải

2.1. Dòng thải số 01: Ống thải từ tháp xử lý khí thải phát sinh từ nguồn khí thải phòng sơn tại xưởng sửa chữa.

2.2. Vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi giờ 3^o)

- Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 2324584; Y = 452076.

2.3. Lưu lượng khí thải phát sinh lớn nhất khoảng 2.500 m³/giờ.

2.4. Phương thức xả khí thải: Gián đoạn.

2.6. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Benzen	mg/Nm ³	≤ 4	Không thuộc đối tượng thực hiện	Không thuộc đối tượng thực hiện
2	Toluen	mg/Nm ³	≤ 30		
3	Xylen	mg/Nm ³	≤ 50		

* **Ghi chú:** Khuyến khích chủ cơ sở tự thực hiện quan trắc định kỳ đối với khí thải công nghiệp để kiểm soát công tác BVMT.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: luồng khí chứa bụi sơn từ quá trình sơn được hút vào buồng của hệ thống xử lý khí thải để xử lý trước khi thải ra ngoài.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải:

Hệ thống xử lý bụi sơn

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Dòng khí thải chứa bụi sơn → Quạt hút → Buồng xử lý → Hấp phụ bằng nước (sử dụng công nghệ màng nước) → Ống thoát khí → xả thải.

- Số lượng: 01 hệ thống.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Nước (sử dụng tuần hoàn).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa ứng phó sự cố.

- Tuân thủ quy trình vận hành và các yêu cầu kỹ thuật của hệ thống xử lý khí thải.
- Định kỳ kiểm tra, theo dõi thiết bị bảo đảm hệ thống xử lý khí thải hoạt động ổn định.
- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững những quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.
- Trong trường hợp xảy ra sự cố, dừng hoạt động sản xuất, kiểm tra hệ thống xử lý khí thải và hoạt động sản xuất tiếp tục khi hệ thống xử lý khí thải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Các công trình, thiết bị xử lý khí thải phải vận hành thử nghiệm và thời gian vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý khí thải bụi sơn công suất 2.500 m³/giờ.

2.2. Các yêu cầu trong quá trình vận hành thử nghiệm

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 01 mẫu tại ống thải của các hệ thống xử lý khí thải

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm trong khí thải sau xử lý và bảo đảm các nồng độ các chất ô nhiễm đáp ứng theo yêu cầu tại Mục 2.6 Phần A của Phụ lục này trước khi thải vào môi trường.

2.2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT, cụ thể như sau: quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định (03 mẫu khí thải đầu ra).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.6 Phần A của Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi khí thải ra môi trường có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu và phải ngừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

- Phải gắn biển báo tại điểm xả khí thải (phải có tọa độ, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải) theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Không được phép lắp đặt ống thoát khác để xả khí thải chưa xử lý ra môi trường;

3.2. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị đảm bảo vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý khí thải trong quá trình vận hành Cơ sở.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý khí thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

3.5. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm, chủ cơ sở phải gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi trường để xem xét theo quy định.

3.6. Rà soát, xây dựng kế hoạch và triển khai các giải pháp để chất lượng khí thải trước khi xả ra môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường của QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (cột B).

3.7. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.6 - Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục./.



Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ
CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 08 /GPMT-SNN&MT ngày 19 tháng 01 năm 2026 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy móc, thiết bị khu vực bảo dưỡng, sửa chữa.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy móc, thiết bị khu vực gò hàn.
- Nguồn số 03: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy móc, thiết bị khu vực nhà gia công.
- Nguồn số 04: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy móc, thiết bị khu vực xưởng cơ khí, gò hàn.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn khu vực E, QCVN 27:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung khu vực D, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn (đơn vị dBA):

TT	Ngày (06h00 đến trước 18h00)	Tối (18h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 06h00)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	65	60	Không thuộc đối tượng	Khu vực E

2.2. Độ rung (đơn vị dB):

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Ngày (06:00 ~ trước 22:00)	Đêm (22:00 ~ trước 06:00)		
1	75	70	Không thuộc đối tượng	Khu vực D

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn

- Thường xuyên bảo dưỡng (tra dầu, mỡ, vệ sinh bụi) đảm bảo động cơ hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn.

- Trồng và chăm sóc cây xanh xung quanh khu vực nhằm giảm thiểu tác động của tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của Cơ sở.

1.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc thiết bị đảm bảo hoạt động trạng thái tốt nhất, hạn chế độ rung ở mức thấp nhất.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục 2.1 và Mục 2.2 Phần A Phụ lục này.

2.2. Thường xuyên kiểm tra, định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị, kịp thời thay thế khi thiết bị bị hỏng hóc để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.



Phụ lục 4

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 08 /GPMT-SNN&MT ngày 19 tháng 01 năm 2026 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Dầu phanh thải	15 01 07	5.500
2	Bộ lọc dầu	15 01 02	1.500
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	4.800
4	Các chi tiết, bộ phận của phanh có amiăng	15 01 06	2.200
5	Que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	07 04 01	10
	Tổng		14.010

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Lốp, xăm yếm cao su thải, sắt thép phế liệu: khoảng 250 kg/tháng.
- Bùn cặn bể tự hoại 03 ngăn: khoảng 4,8 m³/năm.
- Vật liệu lọc của hệ thống lọc sau bể phốt: 50kg/năm.
- Bùn cặn từ hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn: khoảng 2,5 m³/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 120 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Số lượng: 01 kho diện tích khoảng 60 m².
- Thiết kế, cấu tạo: Kho có kết cấu khung thép, có mái che và tường bao quanh, nền xi măng chống thấm; có hố gom chất thải lỏng rơi vãi; có biển báo, dán nhãn và có bố trí các thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định.
- Kho lưu chứa phải đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 6 Điều 35 Thông

tư số 02/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại có mái che, được trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng, có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Kho lưu giữ phế liệu, vật liệu lọc: Kết cấu kín, diện tích khoảng 20m²;

Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Bùn, cặn: Nạo vét định kỳ, ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu giữ:

+ 10 thùng chứa rác tại khu vực nhà điều hành và phân xưởng để phân loại theo quy định.

+ Rác thải đã phân loại theo quy định và hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý hàng ngày. Tần suất thu gom: 01 lần/ngày vào cuối mỗi ngày làm việc.

- Khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt có mái che, nền láng bê tông.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Đầu tư mua sắm trang, thiết bị, vật tư và chuẩn bị lực lượng phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải tại cơ sở, thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, áp dụng phương án, biện pháp quản lý, kỹ thuật nhằm loại trừ, giảm thiểu nguy cơ xảy ra

sự cố.

4. Định kỳ tổ chức tập huấn, huấn luyện và diễn tập ứng phó sự cố chất thải bảo đảm sẵn sàng ứng phó khi xảy ra sự cố.

5. Thực hiện phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ và Thông tư số 02/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường để có biện pháp quản lý phù hợp./.

**Phụ lục 5****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 08 /GPMT-SNN&MT ngày 19 tháng 01 năm 2026 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ ĐỰ AN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Không có.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình hoạt động của Cơ sở; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

Chủ cơ sở đảm bảo các điều kiện về thủ tục quy hoạch, đất đai, xây dựng trong quá trình hoạt động của Cơ sở; các hạng mục, công trình bảo vệ môi trường của Cơ sở trên diện tích đất theo phạm vi, ranh giới phải được cấp có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Quản lý thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải rắn nguy hại phát sinh theo đúng quy định tại các Nghị định của Chính phủ số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025; các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025.

- Vận hành công trình xử lý nước thải theo đúng quy trình để thu gom và xử lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình hoạt động của Cơ sở đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hiện hành. Chỉ được phép xả nước thải sau xử lý với lưu lượng tối đa 5,0 m³/ngày.đêm.

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình để thu gom và xử lý toàn bộ khí thải chứa bụi sơn phát sinh trong quá trình hoạt động của Cơ sở đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hiện hành. Chỉ được phép xả khí thải sau xử lý với lưu lượng tối đa 2.500 m³/ngày.đêm.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại

do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình hoạt động của Cơ sở. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh Cơ sở. Trường hợp gây ra sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường trong quá trình hoạt động (nếu có), Chủ Cơ sở phải dừng ngay hoạt động phát sinh chất thải và công trình xử lý chất thải gây ra ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường và báo cáo kịp thời tới Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân phường Cẩm Phả để được hướng dẫn giải quyết.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình hoạt động của Cơ sở; định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Có trách nhiệm hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành các hoạt động giám sát, kiểm tra việc thực hiện các nội dung, biện pháp bảo vệ môi trường, cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan khi được yêu cầu. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.

